

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN
LUYỆN KIM MÀU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu năm 2012**

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN LUYỆN KIM MÀU

Địa chỉ: Tổ 4, Phường Quang Trung, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam

Tel: 0351 3851035

Fax: 0351 3855296

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Báo cáo của Tổng Giám đốc	3 - 6
Báo cáo kiểm toán	7
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 - 25

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN LUYỆN KIM MÀU

Địa chỉ: Tổ 4, Phường Quang Trung, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam

Tel: 0351 3851035

Fax: 0351 3855296

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2012

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim màu trình bày Báo cáo này, kèm theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho kỳ kế toán giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2012 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim màu (sau đây được viết tắt là “Công ty”), như sau:

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim màu được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0700382548 ngày 03/8/2009 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam. Công ty được đổi tên từ Công ty Cổ phần Nhựa HAMICO thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Đại Hoàng HAMICO theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 ngày 09/3/2012 và đổi tên thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim màu theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 3 ngày 23/4/2012.

Trụ sở chính: Tổ 4, Phường Quang Trung, Thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu là **30.000.000.000 đồng** (Ba mươi tỷ đồng).

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 23/4/2012 là **156.880.000.000 đồng** (Một trăm năm mươi sáu tỷ, tám trăm tám mươi triệu đồng).

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

Chi tiết vốn góp tại 30/6/2012 là:

Đối tượng	Vốn góp (đồng)	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản HAMICO	39.580.000.000	25,23%
Ông Nguyễn Xuân Mai	48.300.000.000	30,78%
Ông Nguyễn Tiến Dũng	41.400.000.000	26,39%
Ông Lê Trung Kiên	13.800.000.000	8,8%
Ông Vũ Minh Thành	13.800.000.000	8,8%
Tổng	156.880.000.000	100,00%

Công ty có 01 công ty con (100% vốn sở hữu của Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim màu) hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700516590 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 04/6/2012.

- ✓ Tên Công ty con: Công ty TNHH Gạch Đại Hoàng.
- ✓ Trụ sở tại xã Chân Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.
- ✓ Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: **90.000.000.000 đồng** (Chín mươi tỷ đồng).
- ✓ Vốn thực góp tại ngày 30/6/2012 là: **45.163.201.400 đồng** (Bốn mươi lăm tỷ, một trăm sáu mươi ba triệu, hai trăm linh một nghìn, bốn trăm đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN LUYỆN KIM MÀU

Địa chỉ: Tổ 4, Phường Quang Trung, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam

Tel: 0351 3851035

Fax: 0351 3855296

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2012

2. Những hoạt động kinh doanh chính

Trong kỳ kế toán giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2012, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

3. Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

- Khai thác quặng sắt;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Mua bán sắt thép;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Mua bán và chế biến than các loại; Mua bán xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng và các sản phẩm liên quan;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Đại lý du lịch;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng công trình Kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình điện có điện áp dưới 35KV;
- Sản xuất kinh doanh và in ấn các loại bao bì, các loại sản phẩm có nguồn gốc từ nhựa và hạt nhựa.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN LUYỆN KIM MÀU

Địa chỉ: Tổ 4, Phường Quang Trung, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam

Tel: 0351 3851035

Fax: 0351 3855296

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC *(tiếp theo)*

Cho kỳ kế toán giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2012

4. Thành phần Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty

Thành phần của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty đã điều hành trong kỳ kế toán giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2012 và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này gồm:

❖ Hội đồng quản trị:

- | | |
|-------------------------|----------------------------|
| • Ông Vũ Minh Thành | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| • Ông Hoàng Văn Chung | Ủy viên |
| • Ông Đào Đình Kiên | Ủy viên |
| • Ông Nguyễn Công Khanh | Ủy viên |
| • Ông Bùi Đỗ Phương | Ủy viên |

❖ Ban Giám đốc:

- | | |
|-----------------------|----------------|
| • Ông Hoàng Văn Chung | Tổng Giám đốc |
| • Bà Tạ Mỹ Dung | Kế toán trưởng |

5. Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Số liệu về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2012 của Công ty được thể hiện cụ thể tại Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, được trình bày từ trang 8 đến trang 25 kèm theo.

6. Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2012 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

7. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/6/2012; kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán giữa niên độ kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- ✓ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- ✓ Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ✓ Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2012

7. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc (tiếp)

- ✓ Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tổng Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách hợp lý để phản ánh tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã cung cấp đầy đủ Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, sổ kế toán, các chứng từ và tài liệu khác có liên quan cho các Kiểm toán viên của Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

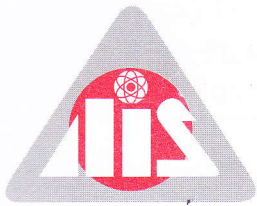
Cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, không có bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2012 của Công ty mà chưa được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hà Nam, ngày 30 tháng 6 năm 2012

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Chung



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited
Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) **Fax:** (84.8) 3930 4281
Email: aisc@aisc.com.vn **Website:** www.aisc.com.vn



Số: 120636HN/BCKT- AISHN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2012
của Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim màu*

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN LUYỆN KIM MÀU**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2012 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim màu (sau đây được viết tắt là "Công ty") được lập ngày 30/6/2012, trình bày từ trang 08 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này căn cứ vào kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim màu tại thời điểm 30/6/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các dòng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán giữa niên độ kết thúc cùng ngày của Công ty; được trình bày phù hợp với chế độ kế toán doanh nghiệp, chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2012

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (AISC)**

Giám đốc

Kiểm toán viên



Đào Tiến Đạt

Chứng chỉ KTV số: Đ0078/KTV

Vũ Khắc Chuyên

Chứng chỉ KTV số: 0160/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012 Đ	01/01/2012 Đ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		57.821.713.902	33.901.213.794
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.557.078.072	521.163.794
1. Tiền	111	V.1	1.557.078.072	521.163.794
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	33.300.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	0	33.300.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		48.799.085.389	0
1. Phải thu khách hàng	131		12.707.402.740	0
2. Trả trước cho người bán	132		36.091.682.649	0
IV. Hàng tồn kho	140		5.620.903.849	80.050.000
1. Hàng tồn kho	141	V.4	5.620.903.849	80.050.000
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.844.646.592	0
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.844.646.592	0
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		157.857.232.070	0
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		115.446.502.322	0
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	98.000.332.360	0
<i>Nguyên giá</i>	222		99.517.294.437	0
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.516.962.077)	0
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	17.446.169.962	0
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	30.800.000.000	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2.500.000.000	0
3. Đầu tư dài hạn khác	258		28.300.000.000	0
V. Tài sản dài hạn khác	260		11.610.729.748	0
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	11.610.729.748	0
VI. Lợi thế thương mại	269		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		215.678.945.972	33.901.213.794

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012 Đ	01/01/2012 Đ
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		45.774.306.865	786.419.090
I. Nợ ngắn hạn	310		15.774.306.865	786.419.090
2. Phải trả người bán	312		11.312.588.136	0
3. Người mua trả tiền trước	313		400.000.000	0
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	3.777.964.119	716.388.813
5. Phải trả người lao động	315		158.891.000	8.500.000
6. Chi phí phải trả	316	V.17	63.333.333	0
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	61.530.277	61.530.277
II. Nợ dài hạn	330		30.000.000.000	0
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	30.000.000.000	0
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		169.904.639.107	33.114.794.704
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	169.904.639.107	33.114.794.704
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		156.880.000.000	30.000.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		13.024.639.107	3.114.794.704
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
C. Lợi ích cổ đông thiểu số	439		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		215.678.945.972	33.901.213.794

Hà Nam, ngày 30 tháng 6 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tông Giám đốc





Tạ Mỹ Dung

Hoàng Văn Chung

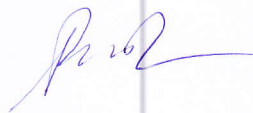
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)
6 tháng đầu năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II năm 2012 Đ	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 Đ
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	29.388.202.000	29.388.202.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	10	VI.27	29.388.202.000	29.388.202.000
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	16.242.453.798	16.242.453.798
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	20		13.145.748.202	13.145.748.202
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	382.483.386	1.552.425.158
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	63.333.333	63.333.333
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		63.333.333	63.333.333
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		226.322.822	313.561.934
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.238.575.433	14.321.278.093
11. Thu nhập khác	31		0	0
12. Chi phí khác	32		1.379.108.384	1.379.108.384
13. Lợi nhuận khác	40		(1.379.108.384)	(1.379.108.384)
14. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		0	0
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.859.467.049	12.942.169.709
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.31	2.730.652.998	3.032.325.306
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		0	0
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.128.814.051	9.909.844.403
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		0	0
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		9.128.814.051	9.909.844.403
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.34	657,48	715,92

Người lập biểu



Kế toán trưởng



Tạ Mỹ Dung

Hà Nam, ngày 30 tháng 6 năm 2012



Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Chung

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

6 tháng đầu năm 2012

CHỈ TIÊU		Mã số	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 Đ
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		01	18.520.000.000
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ		02	(24.353.905.930)
3 Tiền chi trả cho người lao động		03	(304.500.000)
4 Tiền chi trả lãi vay		04	(459.166.666)
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		07	(3.329.150)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		20	(6.600.901.746)
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		21	(12.325.000.000)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		24	33.300.000.000
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		25	(63.868.201.400)
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		27	1.552.763.558
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		30	(41.340.437.842)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		31	73.847.939.569
2 Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		32	(24.870.685.703)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		40	48.977.253.866
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		50	1.035.914.278
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		60	521.163.794
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		70	1.557.078.072

Hà Nam, ngày 30 tháng 6 năm 2012

Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Tạ Mỹ Dung

Hoàng Văn Chung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện Kim màu được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0700382548 ngày 03/8/2009 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam. Công ty được đổi tên từ Công ty Cổ phần Nhựa HAMICO thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Đại Hoàng HAMICO theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 ngày 09/3/2012 và đổi tên thành Công ty Khoáng sản Luyện Kim màu theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 3 ngày 23/4/2012.

Trụ sở chính: Tổ 4, Phường Quang Trung, Thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu là **30.000.000.000 đồng** (Ba mươi tỷ đồng).

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 là **156.880.000.000 đồng** (Một trăm năm mươi sáu tỷ tám trăm tám mươi triệu đồng).

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

Chi tiết vốn góp tại 30/6/2012 là:

Đối tượng	Vốn góp (đồng)	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản HAMICO	39.580.000.000	25,23%
Ông Nguyễn Xuân Mai	48.300.000.000	30,78%
Ông Nguyễn Tiến Dũng	41.400.000.000	26,39%
Ông Lê Trung Kiên	13.800.000.000	8,8%
Ông Vũ Minh Thành	13.800.000.000	8,8%
Tổng	156.880.000.000	100,00%

1. Tổng số các công ty con

- ✓ Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01 công ty.
- ✓ Số lượng các công ty con không được hợp nhất: không có.

2. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

- ✓ Tên Công ty con: Công ty TNHH Gạch Đại Hoàng.
- ✓ Trụ sở chính: xã Chân Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.
- ✓ Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: **90.000.000.000 đồng** (Chín mươi tỷ đồng).
- ✓ Vốn thực góp tại ngày 30/6/2012 là: **45.163.201.400 đồng** (Bốn mươi lăm tỷ, một trăm sáu mươi ba triệu, hai trăm linh một nghìn, bốn trăm đồng).

3. Các công ty con bị loại khỏi quá trình hợp nhất: không có**4. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu: không có**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu trong kỳ kế toán giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2012

Trong kỳ kế toán giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2012, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

3. Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

- Khai thác quặng sắt;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Mua bán sắt thép;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Mua bán và chế biến than các loại; Mua bán xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng và các sản phẩm liên quan;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Đại lý du lịch;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng công trình Kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình điện có điện áp dưới 35KV;
- Sản xuất kinh doanh và in ấn các loại bao bì, các loại sản phẩm có nguồn gốc từ nhựa và hạt nhựa.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm theo năm dương lịch của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (đ).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính gồm: Tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng, đảm bảo đã được kiểm kê, có xác nhận số dư của các ngân hàng tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Các khoản tương đương tiền: Phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng Việt Nam: Các nghiệp vụ phát sinh không phải là đồng Việt Nam (ngoại tệ) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư tiền và các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng thương mại do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Phản ánh và ghi chép theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Nhập trước xuất trước.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh

lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho (tiếp theo)

Nguyên tắc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định của Công ty được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: Theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc.

Nguyên tắc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính: Theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 16 - *Chi phí đi vay*.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước: Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh bao gồm các khoản chi phí: Công cụ, dụng cụ xuất dùng một lần với giá trị lớn và bản thân công cụ, dụng cụ tham gia vào hoạt động kinh doanh trên một năm tài chính phải phân bổ dần vào các đối tượng chịu chi phí trong nhiều kỳ kế toán;

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả: Ghi nhận các khoản chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa phát sinh việc chi trả; các khoản chi phí phải trả nhà thầu phụ của các hợp đồng đã ghi nhận doanh thu nhưng Công ty chưa thực hiện việc quyết toán đối với các nhà thầu phụ cho các hợp đồng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của Công ty sau khi trừ chi phí thuế TNDN (nếu có) và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận: Lợi nhuận được phân phối căn cứ vào Điều lệ hoạt động của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

Việc tăng giảm vốn điều lệ và phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng: Tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: Tuân thủ 04 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*. Doanh thu được ghi nhận trong kỳ kế toán được xác định theo hợp đồng và thời gian cung cấp dịch vụ thực tế.

Doanh thu hoạt động tài chính: Tuân thủ 02 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*.

Toàn bộ lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh được hạch toán ngay vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay; Các khoản lỗ thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán; Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến ngoại tệ; Các khoản chi phí đầu tư tài chính khác. Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Trong kỳ kế toán giai đoạn từ 04/6/2012 đến 30/6/2012, Công ty con là Công ty TNHH Gạch Đại Hoàng được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế giá trị gia tăng: Công ty thực hiện nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền**

	30/06/2012	01/01/2012
	Đ	Đ
Tiền mặt tại quỹ	1.530.759.371	520.089.268
Tiền gửi ngân hàng	26.318.701	1.074.526
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nam	11.522.290	0
NH Xăng dầu Petrolimex PG Bank - Hội sở chính	10.833.694	0
Ngân hàng NN&PTNT - CN Hà Nam	1.090.226	1.074.526
Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Hà Nam	1.954.991	0
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Hà Nam	917.500	0
Cộng	1.557.078.072	521.163.794

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/06/2012	01/01/2012
	Đ	Đ
Cho vay cá nhân	0	33.300.000.000
- Ông Vũ Hồng Cẩm	0	3.100.000.000
- Ông Đào Đình Kiên	0	2.100.000.000
- Bà Nguyễn Thị Yến	0	2.000.000.000
- Bà Đặng Thị Thu Phương	0	2.000.000.000
- Ông Đặng Văn Lành	0	2.000.000.000
- Bà Đào Thị Kiều	0	1.800.000.000
- Ông Vũ Thành Huy	0	1.600.000.000
- Ông Bùi Đỗ Phương	0	1.500.000.000
- Bà Trương Thu Hằng	0	1.500.000.000
- Ông Lê Quang Minh	0	1.500.000.000
- Bà Lê Minh Thom	0	1.500.000.000
- Ông Hoàng Văn Cồn	0	1.400.000.000
- Ông Đặng Quang Tùng	0	1.400.000.000
- Ông Nguyễn Ngọc Phan	0	1.300.000.000
- Ông Nguyễn Xuân Toàn	0	1.200.000.000
- Bà Nguyễn Thị Nhung	0	1.200.000.000
- Bà Trương Thị Thom	0	1.100.000.000
- Bà Lâm Thị Mận	0	1.050.000.000
- Ông Nguyễn Văn Giồng	0	1.000.000.000
- Ông Tống Anh Cường	0	1.000.000.000
- Ông Trương Thị Xuyên	0	850.000.000
- Ông Lê Đức Oanh	0	700.000.000
- Ông Phạm Quang Hải	0	500.000.000
Cộng	0	33.300.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. Hàng tồn kho

	30/06/2012	01/01/2012
	Đ	Đ
Nguyên liệu, vật liệu	697.346.804	80.050.000
Hàng hóa, thành phẩm	4.780.955.000	0
Thành phẩm	72.952.045	0
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	69.650.000	0
Tổng	5.620.903.849	80.050.000

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: Đ

KHOẢN MỤC	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2012	0	0	0	0
Tăng do mua sắm	0	21.971.181.800	681.818.182	22.652.999.982
Tăng do nhận vốn góp (*)	69.773.990.554	14.603.079.725	1.723.191.552	86.100.261.831
Thanh lý, nhượng bán (**)	0	(9.235.967.376)	0	(9.235.967.376)
Tại ngày 30/6/2012	69.773.990.554	27.338.294.149	2.405.009.734	99.517.294.437
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				0
Tại ngày 01/01/2012	0	0	0	0
Khấu hao trong năm	978.784.770	610.211.460	67.208.491	1.656.204.721
Thanh lý, nhượng bán (**)	0	(139.242.644)	0	(139.242.644)
Tại ngày 30/6/2012	978.784.770	470.968.816	67.208.491	1.516.962.077
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2012	0	0	0	0
Tại ngày 30/6/2012	68.795.205.784	26.867.325.333	2.337.801.243	98.000.332.360

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 Đ.

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 Đ.

Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 Đ.

(*) Tăng do nhận vốn góp cụ thể như sau:

Đối tượng góp vốn	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Tổng	Ghi chú
Nguyễn Tiến Dũng	29.700.000.000			29.700.000.000	Theo chứng thư thẩm định giá số 059A/2012/CTTĐ-AVALUE/01
Nguyễn Xuân Mai	34.650.000.000			34.650.000.000	Theo chứng thư thẩm định giá số 059A/2012/CTTĐ-AVALUE/01
Lê Trung Kiên	1.544.000.000			1.544.000.000	Theo chứng thư thẩm định giá số 059A/2012/CTTĐ-AVALUE/01
Công ty CP Tập đoàn khoáng sản Hamico	3.879.990.554	14.603.079.725	1.723.191.552	20.206.261.831	Theo Biên bản định giá TSCĐ số 02/BBĐG ngày 20/3/2012
Tổng cộng	69.773.990.554	14.603.079.725	1.723.191.552	86.100.261.831	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2012	01/01/2012
	Đ	Đ
Công trình xây dựng nhà xưởng nhà máy gạch HAMICO II	17.446.169.962	0
Cộng	17.446.169.962	0

13. Đầu tư dài hạn khác

	30/6/2012		01/01/2012	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị Đ	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị Đ
Đầu tư vào công ty liên kết	25.000	2.500.000.000	0	0
- Công ty CP Phát triển Việt Đô HAMICO	25.000	2.500.000.000	0	0
Đầu tư dài hạn khác		28.300.000.000	0	0
- Công ty CP Phát triển Việt Đô (*)		14.500.000.000	0	0
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Phi Kim (**)		13.800.000.000	0	0
Cộng		30.800.000.000	0	0

(*) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 08/VĐ-LKM/HĐKT ngày 28/5/2012 giữa Công ty CP Phát triển Việt Đô với Công ty CP Khoáng sản Luyện kim màu trong đó Công ty CP Khoáng sản Luyện kim màu góp vốn cùng Công ty CP Phát triển Việt Đô đầu tư xây dựng công trình cải tạo khai thác mỏ đá Granit bán phong hóa, theo tỷ lệ phân chia lợi nhuận Công ty CP Phát triển Việt Đô là 75%, Công ty CP Khoáng sản Luyện kim màu là 25%, thời hạn hợp đồng là 5 năm kể từ ngày ký. Dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái cấp phép khai thác Granit bán phong hóa bằng phương pháp lộ thiên tại khu vực Khu 7, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái cho Công ty CP Khai thác và chế biến khoáng sản Toàn Phát (Quyết định số 411/GP-UBND ngày 24/4/2012), thời hạn khai thác là 10 năm kể từ ngày ký giáp phép. Công ty CP Khai thác và chế biến khoáng sản Toàn Phát đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư số 10/2012/HTDT ngày 06/5/2012 với Công ty CP Phát triển Việt Đô về đầu tư dự án này, trong đó thỏa thuận giai đoạn 1 của dự án: Công ty CP Phát triển Việt Đô góp số tiền **14.500.000.000 đồng** và phân chia lãi theo tỷ lệ 50% - 50% từ kết quả khai thác của dự án.

(**) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 18/PK-LKM/HĐKT ngày 30/5/2012 giữa Công ty CP Khoáng sản Phi Kim với Công ty CP Khoáng sản Luyện kim màu trong đó Công ty CP Khoáng sản Luyện kim màu góp vốn cùng Công ty CP Khoáng sản Phi Kim đầu tư vào dự án khai thác và chế biến đá xây dựng tại Mỏ núi Đồng Trại, địa bàn xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, theo tỷ lệ phân chia lợi nhuận 50% - 50%, thời hạn hợp đồng là 5 năm kể từ ngày ký. Dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam cấp phép khai thác, chế biến cho Công ty CP Khai thác, chế biến đá Hữu Phước (Quyết định số 124/GP-UBND ngày 06/8/2010), thời hạn khai thác là 30 năm (từ tháng 7/2010 đến tháng 7/2040). Công ty CP Khai thác, chế biến đá Hữu Phước đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư số 09/2012/HTDT ngày 20/5/2012 với Công ty CP Khoáng sản Phi Kim về đầu tư dự án này, trong đó thỏa thuận giai đoạn 1 của dự án: Công ty CP Khoáng sản Phi Kim góp số tiền **13.800.000.000 đồng** và phân chia lãi theo tỷ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

14. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2012	01/01/2012
	Đ	Đ
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	37.316.667	0
Chi phí giải phóng mặt bằng của nhà máy gạch Tuynel huyện Lý Nhân	11.573.413.081	0
Cộng	11.610.729.748	0

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2012	01/01/2012
	Đ	Đ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.748.714.119	716.388.813
Thuế tài nguyên	13.650.000	0
Phí bảo vệ môi trường	15.600.000	0
Cộng	3.777.964.119	716.388.813

17. Chi phí phải trả

	30/06/2012	01/01/2012
	Đ	Đ
Dự chi chi phí lãi vay	63.333.333	0
Cộng	63.333.333	0

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2012	01/01/2012
	Đ	Đ
Công ty Tập đoàn khoáng sản HAMICO	61.530.277	61.530.277
Cộng	61.530.277	61.530.277

20. Vay và nợ dài hạn

	30/06/2012	01/01/2012
	Đ	Đ
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Hội sở chính	30.000.000.000	0
Cộng	30.000.000.000	0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

22. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: Đ

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Lợi nhuận chưa phân phối (*)	Tổng
Số dư đầu quý 1	30.000.000.000	3.114.794.704	33.114.794.704
Tăng vốn trong quý (*)	108.000.000.000	0	108.000.000.000
Lãi/ Lỗ trong quý	0	781.030.352	781.030.352
Số dư cuối quý 1	138.000.000.000	3.895.825.056	141.895.825.056
Số dư đầu quý 2			
Tăng vốn trong quý (*)	18.880.000.000	0	18.880.000.000
Lãi/ Lỗ trong quý	0	9.128.814.051	9.128.814.051
Số dư cuối quý 2	156.880.000.000	13.024.639.107	169.904.639.107

(*) Tăng vốn trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 như sau:

Đối tượng góp vốn	Tiền mặt	Tài sản	Tổng
Nguyễn Tiến Dũng	2.700.000.000	29.700.000.000	32.400.000.000
Nguyễn Xuân Mai	3.150.000.000	34.650.000.000	37.800.000.000
Vũ Minh Thành	6.300.000.000	0	6.300.000.000
Lê Trung Kiên	9.256.000.000	1.544.000.000	10.800.000.000
Công ty CP Tập đoàn Khoáng sản HAMICO	19.373.738.169	20.206.261.831	39.580.000.000
Tổng cộng	40.779.738.169	86.100.261.831	126.880.000.000

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2012 Đ	01/01/2012 Đ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản HAMICO	39.580.000.000	0
Cá nhân góp vốn	117.300.000.000	30.000.000.000
- Nguyễn Xuân Mai	48.300.000.000	21.000.000.000
- Nguyễn Tiến Dũng	41.400.000.000	3.000.000.000
- Lê Trung Kiên	13.800.000.000	1.500.000.000
- Vũ Minh Thành	13.800.000.000	3.000.000.000
- Nguyễn Phú Dừa	0	1.500.000.000
Cộng	156.880.000.000	30.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối

	30/06/2012	01/01/2012
	Đ	Đ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	30.000.000.000	8.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	126.880.000.000	22.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	156.880.000.000	30.000.000.000
Cổ tức lợi nhuận đã chia	0	0

d. Cổ phiếu

	30/06/2012	01/01/2012
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.688.000	3.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.688.000	3.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	15.688.000	3.000.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.688.000	3.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	15.688.000	3.000.000

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

	Quý II năm 2012	6 tháng năm 2012
	Đ	Đ
25. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.388.202.000	29.388.202.000
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng (*)	29.388.202.000	29.388.202.000
26. Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0
27. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.388.202.000	29.388.202.000
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng (*)	29.388.202.000	29.388.202.000

(*): Trong đó có doanh thu của Công ty mẹ bao gồm: Bán máy móc thiết bị cho Công ty CP Khoáng sản Phi Kim là **19.483.700.000** đồng (các TSCĐ này nằm trong giá trị góp vốn trong kỳ của Công ty CP Tập đoàn Khoáng sản Hamico) và doanh thu bán thương mại là **5.282.950.000** đồng (mua thép cuộn phi 6.5 của Công ty CP Tập đoàn Khoáng sản Hamico và bán cho Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Thanh Tùng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

28. Giá vốn hàng bán

	Quý II năm 2012 Đ	6 tháng năm 2012 Đ
Giá vốn của hàng hoá đã bán (*)	16.242.453.798	16.242.453.798
Cộng	16.242.453.798	16.242.453.798

(*): Trong đó có giá vốn của Công ty mẹ bao gồm: Bán máy móc thiết bị cho Công ty CP Khoáng sản Phi Kim là **9.209.224.732** đồng (các TSCĐ này nằm trong giá trị góp vốn trong kỳ của Công ty CP Tập đoàn Khoáng sản Hamico) và giá vốn bán thương mại là **4.636.380.000** đồng (mua thép cuộn phi 6.5 của Công ty CP Tập đoàn Khoáng sản Hamico và bán cho Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Thanh Tùng).

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý II năm 2012 Đ	6 tháng năm 2012 Đ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	381.968.636	1.551.910.408
Lãi tiền gửi	514.750	514.750
Cộng	382.483.386	1.552.425.158

30. Chi phí tài chính

	Quý II năm 2012 Đ	6 tháng năm 2012 Đ
Lãi tiền vay	63.333.333	63.333.333
Cộng	63.333.333	63.333.333

31. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý II năm 2012 Đ	6 tháng năm 2012 Đ
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.859.467.049	12.942.169.709
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận khi tính thuế TNDN	0	0
Tổng lợi nhuận tính thuế	9.806.732.825	10.889.435.485
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.730.652.998	3.032.325.306
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	0	0
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.730.652.998	3.032.325.306

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý II năm 2012	6 tháng năm 2012
	Đ	Đ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.280.364.150	1.280.364.150
Chi phí nhân công	429.391.000	454.891.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	277.096.337	277.096.337
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.129.137	28.238.709
Chi phí khác bằng tiền	167.218.042	228.847.582
Cộng	2.182.198.666	2.269.437.778

34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý II năm 2012	6 tháng năm 2012
	Đ	Đ
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	9.128.814.051	9.909.844.403
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.128.814.051	9.909.844.403
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	13.884.644	13.842.088
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	657,58	715,92

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2012.

3. Thông tin về các bên liên quan**❖ Các bên liên quan:**

Công ty góp vốn: Công ty CP Tập đoàn Khoáng sản Hamico trụ sở tại Tổ 14, phường Quang Trung, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700189368 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 11/11/2009 là **116.900.000.0000 đồng** (Một trăm mười sáu tỷ chín trăm triệu đồng).

Công ty CP Khoáng sản Phi Kim: Có các thành viên đồng sáng lập là Ông Vũ Minh Thành, Ông Nguyễn Tiến Dũng, Ông Lê Trung Kiên và Ông Nguyễn Xuân Mai. Trụ sở Công ty tại đường Lê Chân, khu công nghiệp Châu Sơn, xã Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700463966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 03/5/2012 là **20.000.000.0000 đồng** (Hai mươi tỷ đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

❖ **Các giao dịch nội bộ với các bên liên quan:**

- Quan hệ thanh toán với Công ty CP Tập đoàn Khoáng sản Hamico là nhận đầu tư góp vốn và mua sắt, thép:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Khoản mục	Số dư tại ngày 01/01/2012	Số phát sinh tăng	Số phát sinh giảm	Số dư tại ngày 30/6/2012
Công ty CP Tập đoàn Khoáng sản Hamico					
1	Phải trả người bán (mua sắt, thép)	0	10.310.668.500	4.395.000.000	5.915.668.500
2	Nhận đầu tư góp vốn	0	39.580.000.000	0	39.580.000.000

- Quan hệ thanh toán với Công ty CP Khoáng sản Phi Kim là đầu tư góp vốn và bán máy móc thiết bị:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Khoản mục	Số dư tại ngày 01/01/2012	Số phát sinh tăng	Số phát sinh giảm	Số dư tại ngày 30/6/2012
Công ty CP Khoáng sản Phi Kim					
1	Phải thu khách hàng (bán máy móc thiết bị)	0	21.432.070.000	16.570.000.000	4.862.070.000
2	Đầu tư góp vốn	0	13.800.000.000	0	13.800.000.000

6. Thông tin về hoạt động liên tục

Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

Hà Nam, ngày 30 tháng 6 năm 2012

Người lập biểu

Phụ trách Kế toán

Tổng Giám đốc

Tạ Mỹ Dung

Hoàng Văn Chung

